



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 2

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403303

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 15/09/2023

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Phạm Quang Long

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Văn Long

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100171	Đặng Quỳnh Anh	23/04/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT5	;Nợ LP <u>✓</u>
2	2210100212	Lê Thị Hồng Anh	27/04/2003	<u>[Signature]</u>		4,5	bốn, năm	C24QT6	
3	2210100207	Lý Thảo Anh	30/06/2004	<u>[Signature]</u>		4,5	bốn, năm	C24QT6	
4	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy Ái	18/09/2004	<u>[Signature]</u>		4,0	bốn, không	C24QT6	
5	2210100150	Lê Thị Kim Dung	15/08/2004	<u>[Signature]</u>		3,5	ba, năm	C24QT5	
6	2210100158	Đặng Minh Hiếu	10/03/2004	<u>[Signature]</u>		4,5	bốn, năm	C24QT5	
7	2210100228	Nguyễn Đoan Hồ	01/06/2004	<u>[Signature]</u>		4,5	bốn, năm	C24QT7	;Nợ LP
8	2210100213	Võ Trọng Hùng	20/10/2003	<u>[Signature]</u>				C24QT6	;Nợ LP <u>✓</u>
9	2210100214	Nguyễn Đình Khôi	25/09/2004	<u>[Signature]</u>		2,0	hai, không	C24QT6	
10	2210100211	Văn Thị Kim Ngân	27/09/2004	<u>[Signature]</u>		3,5	ba, năm	C24QT6	
11	2210100188	Lê Thị Hoài Ngọc	04/08/2002	<u>[Signature]</u>				C24QT6	;Nợ LP <u>✓</u>
12	2210100195	Phạm Như Ngọc	21/09/2004	<u>[Signature]</u>		5,5	năm, năm	C24QT6	
13	2210100159	Phạm Thị Yến Nhi	15/06/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT5	;Nợ LP <u>✓</u>
14	2210100190	Trần Thị Phương Nhi	14/06/2004	<u>[Signature]</u>		4,0	bốn, không	C24QT6	
15	2210100209	Võ Thị Quỳnh Như	29/02/2004	<u>[Signature]</u>		5,0	năm, không	C24QT6	
16	2210100210	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<u>[Signature]</u>				C24QT6	;Nợ LP <u>✓</u>
17	2210010126	Nguyễn Trần Tấn Tài	13/02/2003	<u>[Signature]</u>				C24QT6	;Nợ LP <u>✓</u>
18	2210100197	Trương Huỳnh Cẩm Thu	15/11/2004	<u>[Signature]</u>		5,0	năm, không	C24QT6	
19	2210100193	Đào Thị Ngọc Thương	03/11/2004	<u>[Signature]</u>		4,0	bốn, không	C24QT6	
20	2210100200	Phạm Trần Tuyết Trinh	21/02/2004	<u>[Signature]</u>		6,0	sáu, không	C24QT6	
21	2210100185	Trần Thị Mộng Tuyền	15/10/2004	<u>[Signature]</u>		5,0	năm, không	C24QT6	
22	2210100218	Nguyễn Đức Tuyền	15/11/2004	<u>[Signature]</u>		4,0	bốn, không	C24QT7	
23	2210040003	Nguyễn Đào Anh Tú	18/06/2003	<u>[Signature]</u>		4,0	bốn, không	C24QT5	
24	2210100180	Nguyễn Trí Vinh	20/10/2004	<u>[Signature]</u>		5,0	năm, không	C24QT6	
25	2210100165	Nguyễn Yến Vy	24/09/2004	<u>[Signature]</u>		3,0	ba, không	C24QT5	
26	2210100155	Nguyễn Thị Như Ý	25/06/2004	<u>[Signature]</u>		4,0	bốn, không	C24QT5	
27	2210100206	Trần Như Ý	09/10/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT6	<u>✓</u>

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

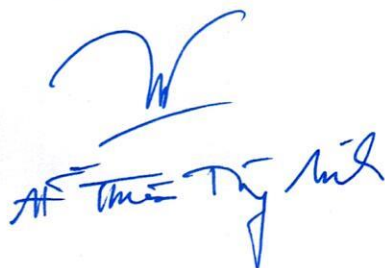
Tổng số sinh viên dự thi: 20 vắng thi: 07. Số bài thi/Số tờ: 20 / 20.

Số sinh viên đạt: 16 Tỷ lệ đạt: 80 %

Ngày...4...tháng...5...năm...2023

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

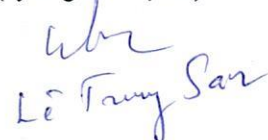
(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thị Mỹ Linh

Ngày...10...tháng...9...năm...2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Trung Sơn